TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **164**/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 111/2026/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1988; CCCD số: 040188008603 do Cục C về TTXH- Bộ C1 cấp ngày 22/4/2021; Địa chỉ thường trú: Số F T, TDP L, phường H, thành phố H.

- *Bị đơn:* Anh Võ Khắc T1, sinh năm 1986; CCCD số: 046086001351 do Cục C về TTXH- Bộ C1 cấp ngày 17/4/2021; Địa chỉ thường trú: Số F T, TDP L, phường H, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị T và anh Võ Khắc T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con: Chị Trương Thị T và anh Võ Khắc T1 xác nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Võ Khắc Quang H, sinh ngày 05/02/2016.

Chị Trương Thị T và anh Võ Khắc T1 thỏa thuận: Anh Võ Khắc T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Khắc Quang H cho đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Võ Khắc T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Trương Thị T và anh Võ Khắc T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T và anh Võ Khắc T1 thỏa thuận chị Trương Thị T chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trương Thị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000884 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả lại cho chị Trương Thị T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế;
- UBND phường Hương Thuỷ, TP Huế
(ĐKKH ngày 10/7/2012 tại UBND Phường Thủy Lương cũ);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng